

Tập 231

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi hai:

(Sớ) Hựu giáo phân tứ chủng niệm Phật, tòng thiển chí thâm, thử cư tối thiểu. Tuy hậu hậu thâm ư tiền tiền, thật tiền tiền triệt ư hậu hậu, dĩ Lý nhất tâm, tức Thật Tướng cố.

(疏)又教分四種念佛，從淺至深，此居最始。雖後後深於前前，實前前徹於後後，以理一心，即實相故。

(Sớ: Lại nữa, giáo pháp chia thành bốn loại niệm Phật, từ cạn đến sâu, pháp [trì danh] này đứng đầu tiên. Tuy pháp sau sâu hơn pháp trước, nhưng thật ra, pháp trước thông thấu pháp sau, vì Lý nhất tâm chính là Thật Tướng).

Lời Sao có giải thích cặn kẽ đoạn văn này. [Nói] “bốn loại niệm Phật” là quy nạp thành từng loại lớn. Có nhiều cách niệm Phật, nhưng quy nạp lại, chẳng ngoài bốn loại lớn ấy. Trong bốn loại lớn, có cạn, có sâu, pháp Trì Danh nông cạn nhất, Thật Tướng là sâu nhất. Càng về sau, càng sâu hơn loại trước. Loại trước tuy nông cạn, nó có thể quán triệt đến loại cuối cùng. Do vậy có thể biết, “cạn” hoàn toàn chẳng phải là “nông cạn, dễ thấy” trong cách nói theo quan niệm của bọn phàm phu chúng ta. Vì sao? Dùng phương pháp Trì Danh có thể niệm đạt tới Lý nhất tâm bất loạn. Nếu niệm đến Lý nhất tâm, sẽ là Thật Tướng Niệm Phật. Có rất nhiều đồng tu thường đến hỏi: “Thật Tướng Niệm Phật phải niệm theo cách nào? Cách tu ra sao?” Nói thật ra, chuyện này có học cũng chẳng hiểu được! Nếu quý vị chẳng minh tâm kiến tánh, bất luận dùng phương pháp gì để niệm Phật, sẽ đều chẳng phải là Thật Tướng Niệm Phật. Sau khi đã phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, bất luận dùng phương pháp gì để niệm Phật, đều gọi là Thật Tướng Niệm Phật. Vì lẽ này, Thật Tướng Niệm Phật xác thực là phương pháp tu hành sau khi đã chứng đắc Lý nhất tâm.

Chúng đắc Lý nhất tâm, có còn phải niệm Phật hay không? Phải niệm! Không niệm thì vẫn chưa được, vì sao? Bạc Sớ Trụ trong Viên Giáo bèn chứng đắc Lý nhất tâm. Từ Sơ Trụ cho đến thành Phật còn có bốn mươi một tầng cấp. Niệm Phật trong bốn mươi một tầng cấp ấy đều gọi là Thật Tướng Niệm Phật. Có thể thấy Thật Tướng Niệm Phật không chỉ là tất yếu, mà còn [phải tu tập hành trì] trong thời kiếp khá dài. Trong kinh,

Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói theo Biệt Giáo. Nói chung, sẽ là trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai và thứ ba, [tức là đề tu tập] Thật Tướng Niệm Phật, phải dùng tới hai A-tăng-kỳ kiếp trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nay chúng ta dùng Trì Danh thì trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất bèn xưng danh, [A-tăng-kỳ] kiếp thứ hai và thứ ba đều là [tu tập] Thật Tướng [Niệm Phật]. Chúng ta biết chuyện này, trong tương lai thấy đều phải tu, hiện thời chẳng cần sốt ruột, có gấp cũng chẳng được!

(Sao) Tứ chủng như tiền Tự trung thuyết, nhất Xưng Danh, nhị Quán Tượng, tam Quán Tướng, tứ Thật Tướng.

(鈔)四種如前序中說，一稱名，二觀像，三觀想，四實相。

(Sao: Bốn loại là như trong lời Tự thuộc phần trước đã nói: Một là Xưng Danh, hai là Quán Tượng, ba là Quán Tướng, bốn là Thật Tướng).

Trong lời Tự thuộc phần trước đã giới thiệu danh xưng của bốn loại Niệm Phật ấy. Loại thứ nhất là Xưng Danh, tức chấp trì danh hiệu. Loại thứ hai là Quán Tượng, loại thứ ba là Quán Tướng, loại thứ tư là Thật Tướng.

(Sao) Xưng Danh giả, tức kim kinh.

(鈔)稱名者，即今經。

(Sao: Xưng Danh là [pháp hành trì được đề xướng trong] kinh này).

Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều chủ trương Xưng Danh. Kinh điển trọng yếu nhất của Tịnh Tông, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất của Tịnh Tông. Kinh Di Đà do đức Thích Ca xứng tánh đàm luận, chẳng ai hỏi mà tự nói, thù thắng khôn sánh.

(Sao) Quán Tượng giả, vị thiết lập tôn tượng, chú mục quan chiêm. Như Pháp Hoa vân: “Khởi lập hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật”, tức quán tướng hảo, quang minh hiện tại chi Phật đã. Nhược Ưu Đàm vương, dĩ Chiên Đàn tác Thế Tôn tượng, tức quán nê, mộc, kim, đồng chú tạo chi Phật đã, cổ vân Quán Tượng.

(鈔)觀像者，謂設立尊像，注目觀瞻。如法華云：起立合掌，一心觀佛，即觀相好光明現在之佛也。若優填王，以栴檀作世尊像，即觀泥木金銅鑄造之佛也，故云觀像。

(Sao: Quán Tượng là thiết lập tôn tượng, mắt chăm chú chiêm ngưỡng. Như kinh Pháp Hoa nói “đứng dậy, chắp tay, một lòng quán Phật” chính là quán tượng hảo và quang minh của vị Phật hiện tại. Còn như vua Ưu Điền dùng gỗ Chiên Đàn tạc tượng đức Thế Tôn, tức quán vị Phật bằng đất, gỗ, vàng, đồng đúc tạo. Do đó nói là “quán tượng”).

Đối với chuyện quán tượng, trong kinh Pháp Hoa có một đoạn kinh văn như vậy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có tất cả mười sáu phép Quán, phép Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật, phép quán thứ mười hai trước đó là Quán Tướng Niệm Phật. Nói thật ra, những phương pháp Niệm Phật này đều phát xuất từ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Để quán tượng, phải tạo lập tượng Phật, tượng Phật càng trang nghiêm càng tốt. Trong nhà có Phật đường hết sức trang nghiêm, tượng Phật trang nghiêm, thờ phụng tượng Phật. Quý vị mỗi ngày từ sáng đến tối chắp tay chăm chú chiêm ngưỡng tượng Phật, khiến cho ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp in hằn trong A Lại Da Thức; đó là Quán Tượng Niệm Phật. Do vậy có thể biết, “*niệm*” không nhất định là miệng [niệm]. Chữ Niệm (念) là [được cấu tạo theo cách] Hội Ý. [Niệm do hai chữ Kim và Tâm ghép thành], kim tâm (今心) chính là một niệm tâm hiện tiền. Một niệm tâm hiện tiền là tượng Phật, niệm nào trong tâm cũng đều nghĩ tới tượng Phật, dùng phương pháp này! Tu học phương pháp này chẳng khó, nhưng phải có phước báo rất lớn: Quý vị chẳng cần đi làm, cũng chẳng bị ai quấy nhiễu, chẳng lo âu về cuộc sống, lại có người hầu hạ thì quý vị mới có thời gian để suốt ngày từ sáng đến tối ngắm tượng Phật. Nếu quý vị có công việc phải đi làm, trong nhà có những chuyện vụn vặt [phải lo liệu], sẽ bị tách rời tượng Phật, công phu tu hành bị đứt đoạn, chẳng thể tiếp nối!

Xưa kia, chạm khắc một bức tượng Phật chẳng dễ dàng. Hai bức tượng Phật được chạm khắc giống hệt nhau chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chẳng phải như trong hiện thời có thể dùng máy móc tạo thành một mô hình, [từ mô hình ấy] làm ra một trăm tượng hay một ngàn tượng giống nhau như đúc. Hiện thời, dùng kỹ thuật án loát để in tượng Phật càng thuận tiện. Đặc biệt là trong Phật Thất hay trong Niệm Phật Đường, tốt nhất là vây quanh bốn phía đều là tượng Phật. Quý vị đi kinh hành, hoặc chỉ tĩnh (止靜: ngồi yên lặng), bất luận quý vị ngồi hoặc đứng ở nơi đâu, hễ mở

mắt đều trông thấy tượng Phật. Đạo tràng Phật Thất phải nên xếp đặt như vậy. Bốn phía treo đầy tượng Phật, quý vị thấy [nhiều hình tượng, nhưng chỉ là] một vị Phật, sẽ chẳng bị tạp loạn. Đích xác là hết sức thù thắng, hoàn toàn tương ứng với sự tu trì và ý nghĩa trong kinh.

Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta một phương pháp là “*đứng dậy, chấp tay*”. Nói thật ra, sẽ là đi, đứng, ngồi, vì trong Phật đường chẳng thể nằm xuống, mà là ngồi ở đó niệm Phật, đứng niệm Phật, nhiều Phật kinh hành. “*Nhất tâm quán Phật*”: Tuy chẳng xưng niệm, mà thấy rất cận kề, mỗi bộ vị trên tượng Phật đều thấy rất rõ ràng, in hằn thật sâu trong tám thức điền.

“*Quán tướng hảo quang minh hiện tại chi Phật*” (Quán tướng hảo và quang minh của vị Phật hiện tại): Đó là [quán tượng] khi đức Phật tại thế. Khởi nguyên của tượng Phật, căn cứ theo kinh đã nói: Vua Ưu Điền là người đầu tiên tạo tượng Phật.

(Diễn) Như Pháp Hoa hạ, vị Quán Tượng thông nhị chủng: Nhất chân Phật, nhị tượng Phật dã.

(演)如法華下，謂觀像通二種：一真佛，二像佛也。

(Diễn: [Từ câu] “như Pháp Hoa” trở đi, ý nói: Quán Tượng gồm hai loại: Một là quán đức Phật thật sự, hai là quán Phật bởi hình tượng).

Thuở Phật tại thế, chiêm ngưỡng tướng hảo của đức Phật là quán tượng. Khi đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta tạo tượng Phật để quán tượng Phật.

(Diễn) Dẫn Pháp Hoa chứng, quán hiện tại chân Phật. Dẫn Ưu Điền chứng, quán hiện tại tượng Phật.

(演)引法華證，觀現在真佛；引優填證，觀現在像佛。

(Diễn: Dẫn kinh Pháp Hoa để làm chứng cho việc quán vị Phật thật sự trong hiện tại. Dẫn vua Ưu Điền để làm chứng cho việc quán tượng Phật trong hiện tại).

“*Quán hiện tại tượng Phật*” là quán tượng Phật.

(Diễn) Chiên Đàn tượng giả.

(演)栴檀像者。

(Diễn: “Tượng bằng Chiên Đàn”).

Nói ra nguồn gốc của chuyện tạc tượng.

(Diễn) Thế Tôn thành đạo hậu, thường vãng Đạo Lợi thiên cung vị mẫu thuyết pháp.

(演)世尊成道後嘗往忉利天宮為母說法。

(Diễn: Sau khi thành đạo, đức Thế Tôn đã lên cung trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẹ).

Kinh Địa Tạng do Thích Ca Mâu Ni Phật vì mẹ mà nói tại cung trời Đạo Lợi. Suốt ba tháng, đức Phật chẳng ngự trong nhân gian, vua Ưu Điền (Udayana)¹ hết sức mong nhớ đức Thế Tôn, Phật chẳng hiện tiền thì làm thế nào đây? Vua kiếm một người thợ tạc tượng Thích Ca Mâu Ni Phật để thờ phụng trong cung.

¹ Vua Ưu Điền, còn phiên âm là Ô Đà Diễn Na, Ô Đà Diễn Na, hoặc còn gọi đầy đủ là Ô Đà Diễn Na Phạt Tha (Udayana-vatsa), dịch nghĩa là Nhật Tử Vương hoặc Xuất Ái Vương. Vị này là quốc vương xứ Kiền Thưởng Di (Kausambi), là một trong các vị đại quốc vương hộ pháp mạnh mẽ thời đức Phật. Nhân duyên tin Phật của nhà vua cũng rất đặc sắc. Hoàng hậu là tín đồ Phật giáo thuần thành, đã chứng Tu Đà Hoàn, nhưng nhà vua chẳng tin Phật. Khi ấy, vương phi Vô Tỷ dung mạo có một không hai, thường tự phụ chính mình là người đẹp nhất trong cả xứ Ấn. Khi thái tử Tất Đạt Đa vừa mới xuất gia, phụ thân Vô Tỷ là trưởng giả Thệ Tâm nhất quyết gả Vô Tỷ cho thái tử, nhưng Ngài cự tuyệt để nhất tâm tu đạo. Vô Tỷ ôm hận, thề quyết trả thù. Về sau, trưởng giả Thệ Tâm gả Vô Tỷ cho vua Ưu Điền. Tuy đã là vương phi, Vô Tỷ vẫn không nguôi mối hận, thề chẳng hại được Phật, sẽ sát hại đệ tử Phật. Vì vậy, Vô Tỷ đặt điều vu khống hoàng hậu tin tưởng tà ma ngoại đạo, xúi giục hoàng đế hãy dùng loạn tiền để sát hại hoàng hậu hòng trừ hậu hoạn. Bị sắc dục làm mờ mắt, vua cho xạ thủ vây quanh hoàng hậu bắn tên. Hoàng hậu đối trước nguy nan vẫn ung dung, chẳng tức giận hay kinh sợ. Bà quỳ trước mặt nhà vua, nhất tâm niệm Phật, tưởng lòng đại từ bi của Phật. Kỳ diệu thay! Các mũi tên bắn tới đều xoay quanh hoàng hậu ba vòng, rồi bay ngược lại, rơi lả tả gãy vụn trước mặt nhà vua. Vua kinh sợ, nghĩ đức Phật là bậc đại thánh nhân, vì một đệ tử bạch y mà còn có thần lực như thế, bèn tìm đến Phật để nghe pháp, rồi trở thành một vị đại hộ pháp. Khi đức Phật lên cung trời Đạo Lợi thuyết pháp, vua Ưu Điền mong nhớ đến nỗi ngã bệnh. Các vị đại thần bèn cạy tôn giả Đại Mục Kiền Liên dùng thần thông đem thợ khéo lên cõi trời tạc tượng đức Phật cho vua chiêm ngưỡng đỡ nhớ. Khi đức Phật từ cõi trời trở xuống, mọi người hoan hỷ tranh nhau đến đón tiếp, tượng Chiên Đàn ấy cũng đến đón tiếp. Đức Phật tán thán và nói kệ tụng: “*Kẻ tạo hình tượng Phật, nay ta nói sơ lược: Trước, Nhân Căn chẳng hoại, sau đắc Thiên Nhân Thông. Trông đen trắng phân minh. Do công đức tạo tượng, hình thể thường hoàn chỉnh, ý chánh, chẳng mê hoặc, thể lực vượt mọi người. Kẻ tạo hình tượng Phật, trọn chẳng đọa đường ác, phước chẳng thể nghĩ bàn*”.

(Diễn) *Ưu Điền vương dục cận Phật nhi bất khả đắc, nãi thỉnh Mục Liên tôn giả, đới tam thập nhị tượng, vãng bỉ thiên cung, các thuyết nhất tướng, hoàn lai nhân gian, dụng Chiên Đàn hương mộc khắc Thế Tôn tượng, quan chiêm lễ bái.*

(演) 優填王欲觀佛而不可得，乃請目連尊者，帶三十二匠，往彼天宮，各說一相，還來人間，用栴檀香木刻世尊像，觀瞻禮拜。

(Diễn:) *Vua Ưu Điền muốn thân cận đức Phật mà chẳng thể được, bèn thỉnh tôn giả Mục Liên đem theo ba mươi hai người thợ lên cung trời ấy, mỗi người nói một tướng, trở về nhân gian, dùng gỗ thơm Chiên Đàn khắc hình tượng đức Thế Tôn để nhìn ngắm, lễ bái).*

Thuở ấy, bức tượng thứ nhất dùng gỗ Chiên Đàn² [đề tạc], tức là như hiện thời chúng ta nói là “tượng khắc bằng gỗ đàn hương”. Về sau, tượng Phật cũng có rất nhiều chủng loại, có tượng đắp bằng đất, tượng gỗ khắc, tượng đúc bằng vàng hoặc đồng. Cho đến hiện thời thì có tượng vẽ tô màu, được in màu với số lượng lớn. Tạo tác hoặc vẽ tượng Phật, nhất định phải dựa theo kinh Tạo Tượng Lượng Độ³ do đức Phật đã dạy. [Dựa theo những điều] kinh Tạo Tượng Lượng Độ đã dạy, [sẽ thấy]: Đích xác là [tượng Phật] không nhất định giống như hình dáng của con người chúng ta, điểm quan trọng nhất trong tượng Phật là biểu thị pháp, phải hiển thị được điểm đặc trưng là ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hình hảo của đức Phật. Tướng và tùy hình hảo đều là quả báo, chúng ta trông thấy quả báo ấy phải biết tu nhân: Tu cái nhân lành như thế nào, bèn được quả báo như thế ấy. Đức Phật dạy lũ người đời sau chúng ta cùng dường hình tượng Phật hoặc hình tượng Bồ Tát phải chú trọng điểm này. Có thể thấy là trong ấy chứa đựng ý nghĩa giáo dục rất sâu, tượng không nhất định phải giống hệt như bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng cần thiết, mà nhất định là phải hiển lộ quả đức nơi các tướng hảo ấy, khiến cho kẻ khác vừa trông thấy bèn nghĩ: Ta muốn có những tướng hảo ấy thì phải tu cái nhân như thế nào? Tu nhân thì mới có thể chứng quả. Tinh thần giáo dục quan trọng

² Chiên Đàn (Candana, tên khoa học là *Sirium Myrtufolium*), là một loại cây thân mộc, có mùi thơm, mọc nhiều tại Ấn Độ, tương ứng với gỗ Đàn Hương tại Trung Hoa.

³ Tạo Tượng Độ Lượng Kinh là kinh dạy về cách thức tạo tượng Phật, do tôn giả Xá Lợi Phất thỉnh vấn, đức Phật bèn dạy tỷ lệ cần phải có trong khi tạc tượng cũng như cách tạo tác sao cho đúng pháp. Kinh này do Lạt-ma Công Bố Tra Bố dịch từ tiếng Tây Tạng sang Hán văn vào năm Càn Long thứ bảy (1742) tại Bắc Kinh.

nhất của kinh Tào Tượng Lượng Độ ở ngay chỗ này. Đây là nói về Quán Tượng Niệm Phật.

(Sao) Quán Tướng giả, vị dĩ ngã tâm mục, tưởng bỉ Như Lai.

(鈔)觀想者，謂以我心目，想彼如來。

(Sao: Quán tướng là dùng tâm mục của ta để quán đức Như Lai kia).

Quán Tượng trong phần trước là dùng mắt để quán; [còn trong pháp tu] này, không nhất định phải dùng mắt để nhìn, mà là tưởng trong tâm.

(Sao) Túc Quán Phật Tam Muội Kinh, Thập Lục Quán Kinh sở thuyết, thị dã.

(鈔)即觀佛三昧經，十六觀經所說，是也。

(Sao: Chính là những điều được giảng trong các kinh Quán Phật Tam Muội và Thập Lục Quán Kinh).

Thập Lục Quán Kinh là một kinh trong Tịnh Độ Tam Kinh. Trừ kinh ấy ra, kinh Quán Phật Tam Muội cũng nói về pháp môn quán tưởng. Kinh Quán Phật Tam Muội [dạy các phép tu thuộc về cách] quán Phật thông thường, còn Thập Lục Quán Kinh là quán y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, chuyên tu Tịnh Độ.

(Diễn) Dĩ ngã tâm mục giả, Quán Kinh vân: “Kỳ quang, tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết”.

(演)以我心目者，觀經云：其光相好，及與化佛，不可具說。

(Diễn: “Dùng tâm mục của ta”: Quán Kinh nói: “Quang minh, tướng hảo của đức Phật và các hóa Phật [hóa hiện trong quang minh của Ngài] chẳng thể nói trọn”).

“Quang” là quang minh, “Tướng” là tướng hảo, [“quang tướng” tức là] quang minh và tướng hảo của đức Phật. “Cập dữ hóa Phật” (Cùng với các hóa Phật). Bọn phàm phu thế gian chúng ta nghiệp chướng tập khí sâu nặng. Vì thế, đức Phật xuất hiện trong thế gian này bằng Ứng Thân. Ứng Thân ấy kém cõi nhất, nên gọi là Liệt Ứng Thân (劣應身). “Liệt” (劣) là kém cõi nhất. Loại Ứng Thân này chỉ có ba mươi hai tướng và tám mươi

thứ hảo. Nếu là Ứng Hóa Thân của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, sẽ chẳng phải là Liệt Ứng Thân, mà là Ứng Thân thù thắng (Thắng Ứng Thân, 勝應身). Đức Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo; chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng, chẳng thể biết rõ số! “*Bất khả cụ thuyết*” (Chẳng thể nói trọn): Chẳng có cách nào nói viên mãn, nói toàn bộ. Quang minh và tướng hảo chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Đản đương ức tướng, linh tâm nhãn kiến.

(演)但當憶想，令心眼見。

(Diễn: Chỉ nên ức tướng, khiến cho tâm nhãn trông thấy).

Nếu người học Phật trong tâm muốn tướng, phải chiếu theo những gì Thập Lục Quán Kinh đã dạy. Quý vị quán tướng, tu tập pháp môn này thì tâm phải rất nhỏ nhiệm, mới hòng tướng tượng được. Chẳng cần nói tới ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo của đức Phật, đó là [những tướng và tùy hình hảo thuộc] Liệt Ứng Thân, chẳng cần nói tới điều này. Phép Quán thứ nhất trong Thập Lục Quán Kinh là [quán tướng] “*mặt trời lặn giống như cái trống treo*”, dễ dàng nhất: Tưởng mặt trời. Mặt trời lặn xuống núi, vàng mặt trời đỏ rực, bảo quý vị tưởng điều ấy. Quý vị khéo tưởng, phải tưởng đến mức sao cho bất luận khi nào, bất luận nơi nào, khi mở banh mắt, vàng mặt trời đỏ ở ngay trước mặt. Nhắm mắt lại, vàng mặt trời đỏ vẫn ở ngay trước mặt, phép Quán này đã quán thành công. Nếu trong tâm tưởng mà tướng ấy chẳng thể hiện ra trước mặt, chẳng tu thành công phép Quán này. Thập Lục Quán Kinh khó tu lắm! Người có tâm rất vi tế mới có thể tu. Quán Kinh truyền đến Trung Hoa, người tu học quá ít. Từ đời Tống trở đi, chẳng có ai tu nữa. Vì sao? Chắc chắn là chẳng tu thành công. Quán Kinh có người giảng giải, có người đọc tụng, nhưng chẳng có ai nương theo phương pháp ấy để tu, vì nó rất khó, cảnh vi tế, tâm thô thấp, quán chẳng thành công!

Phép Quán thứ hai là “*biển cả kết băng*”. Sau khi đã quán thành công, sẽ thấy đại địa là đất lưu ly, trong suốt. Lưu ly (Vaidūrya, Tỳ-lưu-ly, Phệ-lưu-ly) là ngọc màu lục, chúng ta gọi là Phỉ Thúy (翡翠). [Lưu Ly] là loại Phỉ Thúy tốt nhất, màu lục, trong suốt. Nếu quý vị thấy nền nhà bằng đá mài, đường sá trải nhựa đường, [tức là] chẳng quán thành công.

Từ Thập Lục Quán Kinh, quý vị bèn lý giải: Trong kinh, đức Phật dạy “*cảnh chuyển theo tâm*”, biết chân tướng sự thật này. Phong Thủy là gì? Phong Thủy chuyển theo tâm. Tu quán tướng thành công là người có đại phước đức, “*phước nhân cư phước địa*” (người có phước ở nơi phước

đức). Ở nơi đây, chúng ta thấy [nền nhà] là xi-măng, họ thấy là đất bằng lưu ly. Trong sự cảm nhận của người ấy, giảng đường tường vách chói ngời, do bảy báu tạo thành, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, [tức là] phép Quán đã thành tựu. Điều này cho thấy pháp môn này chẳng dễ tu được!

(Diễn) *Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật, cố danh Niệm Phật tam-muội.*

(演) 見此事者，即見十方一切諸佛，故名念佛三昧。

(Diễn): “Thấy sự này” chính là thấy mười phương hết thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật tam-muội).

Quý vị thật sự quán thành công, cảnh giới hiện tiền. Đã hiện tiền, sẽ chẳng bị mất đi. Cảnh giới của quý vị chẳng giống cảnh giới của người khác, đó gọi là Niệm Phật tam-muội. Tam-muội là Thiền Định. Chúng ta dùng phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật để đắc Định, là cảnh giới trong Định.

(Diễn) *Tưởng bĩ Như Lai giả, chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tưởng sanh.*

(演) 想彼如來者，諸佛正遍知海從心想生。

(Diễn): “Tưởng đức Như Lai kia”: Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng).

Câu này là nguyên lý, “chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tưởng sanh” (biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng). Nếu chúng ta hỏi, Bồ Tát và La Hán có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Lục đạo luân hồi có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Hết thấy nhân quả báo ứng khổ lạc trước mắt có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Đều sanh từ tâm tưởng! Trong tâm quý vị tưởng gì, bèn sanh điều đó; đây là nguyên lý tu hành đã được nêu bày trong Phật pháp. Tây Phương Cực Lạc thế giới do ai ban cho quý vị? Nó sanh từ tâm tưởng của chính quý vị. Mỗi người chúng ta đều tưởng như vậy, hiện ra cảnh giới này là do cộng nghiệp của chúng ta cảm vờ. Thông thường, chúng ta suy nghĩ lung tung, mỗi người suy tưởng một cách riêng, nay Thích Ca Mâu Ni Phật dạy mọi người chúng ta hãy đều tưởng giống nhau. Tưởng y hệt nhau, [cảnh giới] sẽ sanh ra y hệt nhau, sanh ra Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng sanh từ tâm tưởng.

(Diễn) Tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo.

(演)心想佛時，是心即是三十二相八十隨形好。

(Diễn: Khi tâm tướng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo).

Người thật sự biết xem tướng, đoán mạng, quý vị thỉnh giáo họ, họ có thể nói tính cách, sự ưa thích, sự thiện ác trong tâm địa quý vị và cát hung họa phước suốt cả một đời quý vị hết sức chuẩn xác! Các vị đọc sách Liễu Phàm Tứ Huán sẽ biết: Người thật sự cao minh, vừa thấy tướng mạo liền biết cát hung họa phước trong suốt một đời quý vị, đối với những suy nghĩ thông thường trong tâm quý vị, người ấy cũng biết đại khái. Thấy diện mạo của chúng ta chẳng có phước, diện mạo chẳng phải là hảo tướng, [để biết] vận hạn trước mắt bèn xem khí sắc, khí sắc cũng chẳng tốt lắm. Phải sửa đổi ra sao? Hãy thật thà niệm Phật, đoạn ác tu thiện, một niệm hồi tâm, tướng sẽ thay đổi, tướng chuyển theo tâm mà! Tướng chuyển theo tâm tức là mạng chuyển theo tâm, cát hung họa phước đều do ý niệm của quý vị [chi phối]. Quý vị nghĩ xem có trọng yếu lắm không?

Trong học Phật, nói về tu hành, tu từ chỗ nào? Khởi tâm động niệm! Tu từ chỗ này. Khởi lên một niệm, quý vị có thể nhận biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là trí huệ. Trong Phật pháp nói giác và mê, giác hay mê quan sát từ chỗ nào? Từ ý niệm. Một niệm dấy lên, chính quý vị biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là giác. Một niệm dấy lên, nhưng chính mình chẳng biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là mê. Người thật sự tu hành, hễ có một thiện niệm, thiện niệm bèn tiếp tục tăng trưởng; hễ có một niệm ác thì ngay lập tức điều ác ấy bị đoạn trừ. Ác niệm thứ nhất dấy lên, chẳng thể có ác niệm thứ hai; ác niệm thứ hai bị tiêu diệt, đó là thật sự tu hành. Người tu hành như vậy được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần tôn kính. Họ đã tôn kính quý vị, đương nhiên sẽ gia hộ quý vị. Kẻ mê hoặc, một thiện niệm dấy lên, trong niệm thứ hai, thiện niệm bị đoạn trừ; ác niệm dấy lên, ác niệm này nối tiếp ác niệm kia tăng trưởng, thiện thần xa lìa, yêu ma quỷ quái liền dựa thân, theo sát quý vị. Thấy đều do nơi khởi tâm động niệm, đó là chân tướng của pháp giới duyên khởi. Đức Phật giảng nhiều pháp môn đều là căn cứ trên sự thật này để nói.

(Diễn) Sở vị: “Dĩ pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm dã”.

(演)所謂以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。

(Diễn: Đó gọi là “dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh trong y báo, chánh báo, sắc, tâm nơi pháp giới”).

Nói về nguyên lý và nguyên tắc quán tưởng. Nay chúng ta gặp khó khăn ở chỗ nào? Chẳng có pháp giới tâm, tâm lượng quá nhỏ, khởi tâm động niệm đều vì chính mình. Nếu lớn hơn một chút thì là vì gia đình, chẳng thể khởi tâm động niệm vì hết thấy chúng sanh trong pháp giới, chúng ta chẳng có tâm lượng ấy. Do vậy, quán chẳng thành. A Di Đà Phật trong khi tu nhân, kinh nói [Ngài có hiệu là] tỳ-kheo Pháp Tạng, Ngài khởi tâm động niệm suy nghĩ vì ai? Suy nghĩ vì hết thấy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới, Ngài “*dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới là y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới. Vì thế, phải đọc, phải giảng Quán Kinh, tuy chẳng thể tu, kinh ấy có lợi ích rất lớn, lớn ở chỗ nào? Quán Kinh có lý luận viên mãn và minh bạch nhất. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta tin tưởng, quyết định chớ nên hoài nghi, chúng ta cũng muốn tu, biết phương pháp tu hành ấy quyết định là chánh xác. Quán Kinh nêu ra ba trọng điểm là lý luận, phương pháp, và nhân quả. Chín phẩm vãng sanh là nói về nhân quả, tu nhân gì sẽ đắc quả vị như thế nào.

(Sao) Thật Tướng giả, tức niệm tự tánh thiên chân chi Phật, vô sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở đẳng tướng.

(鈔)實相者，即念自性天真之佛，無生滅有空能所等相。

(Sao: Thật Tướng là niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh, chẳng có các tướng như sanh, diệt, có, không, Năng, Sở v.v...).

Những điều tiếp đó toàn là tương đối. Sanh diệt là tương đối. Hữu - Không là tương đối, Năng - Sở là tương đối. Chữ Vô xuyên suốt, [nghĩa là] “*vô sanh diệt, vô Không Hữu, vô Năng Sở*”, thấy đều là Vô, ngay cả Vô cũng là Vô. Hễ chấp có một cái Vô lại hổng rồi, lại là chấp tướng. “*Vô*” cũng chẳng cần. Đó là Tự Tánh Thiên Chân Phật, cũng là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*”, vốn đã là Phật! Phật là gì? Phật là giác. Vốn đã thành Phật! Nói cách khác, quý vị vốn giác, chẳng mê! Nay vì sao biến thành chúng sanh? Do quý vị mê Bồn Giác, chẳng mê bên ngoài. Quý vị nói “*mê cảnh giới bên ngoài*”, đó là giả, sai lầm đặc biệt to lớn, [phải hiểu là] “*đã mê nơi tự tánh*”. Vì thế, Phật pháp từ đầu đến cuối nói đến “*trong*”, chẳng nói tới “*ngoài*”. Bên ngoài

chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ ở trong tự tâm. Đối với cảnh giới bên ngoài, giác là cảnh giới ấy, mà mê vẫn là cảnh giới ấy. Mê và ngộ chẳng hai, mê và ngộ như một, đó là nói về ngoại cảnh. Mặc mũi là trong nội tâm. Thành Phật, thành Bồ Tát, thành La Hán, cho đến luân hồi trong lục đạo đều do tự tâm. Một niệm giác sẽ tiến lên cao trong mười pháp giới; một niệm mê, bèn đọa lạc. Chuyện là như vậy đó.

Triệt đề giác ngộ, mười pháp giới sẽ chẳng có, đã thoát ra ngoài, vượt thoát. Mê nặng nhất, phân biệt, chấp trước nặng nhất, đọa lạc sâu nhất là A Tỳ địa ngục. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng nói tới mê hay ngộ. Nay chúng ta thấy những lời lẽ này trong kinh, người hiện thời gọi là “*tương đối luận*”. Sanh và diệt là tương đối, Hữu và Vô là tương đối (Không là Vô), Năng và Sở là tương đối, lớn và nhỏ là tương đối, dài và ngắn là tương đối, phàm và thánh là tương đối, tánh và tướng là tương đối. Chỉ cần quý vị có thể nói ra được, sẽ toàn là tương đối. Lìa khỏi tương đối, sẽ chẳng thể nói được, chẳng thể thốt được câu nào. Chúng ta là người sống trên địa cầu, đang sống trong cảnh giới nào? Sống trong cảnh giới tương đối, chẳng thật!

(Diễn) Vô sanh diệt hữu không Năng Sở đẳng tướng giả, đối thượng tam chủng niệm Phật.

(演)無生滅有空能所等相者，對上三種念佛。

(Diễn: “Chẳng có các tướng sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở”... là đối ứng với ba loại niệm Phật trước đó).

Tức Xưng Danh, Quán Tượng, Quán Tướng đã nói trong phần trước.

(Diễn) Trì Danh thị sanh diệt tướng. Kinh vân: “Chư hành thị vô thường, niệm tánh nguyên sanh diệt cố”.

(演)持名是生滅相，經云：諸行是無常，念性元生滅故。

(Diễn: Trì Danh là tướng sanh diệt. Kinh nói: “Các hành là vô thường, do tánh của niệm vốn là sanh diệt”).

Trì Danh là sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, niệm trước diệt, niệm sau sanh. [Do đó, xưng danh] niệm Phật là tướng sanh diệt.

(Diễn) Quán Tượng thị không hữu tướng, đối tượng tác hữu, ly tượng thị vô cố. Quán Tướng thị Năng Sở tướng, hữu năng quán chi tâm, sở quán chi cảnh cố.

(演) 觀像是空有相，對像則有，離像是無故。觀想是能所相，有能觀之心、所觀之境故。

(Diễn: Quán Tượng là tướng Không Hữu, vì đối trước tượng bèn Có, là tượng bèn Không. Quán Tướng là tướng Năng Sở, do có cái tâm năng quán và cảnh được quán).

Chân tướng của ba loại [Niệm Phật] trước là như thế.

(Diễn) Hựu tiền tam, giai bất ly sanh diệt, hữu không, Năng Sở đẳng tướng.

(演) 又前三，皆不離生滅有空能所等相。

(Diễn: Lại nữa, ba loại trước đều chẳng là các tướng sanh diệt, Có Không, Năng Sở v.v...).

Trì Danh, Quán Tướng, Quán Tượng đều có sanh - diệt, có - không, năng - sở.

(Diễn) Hựu tiền tam, giai bất ly ngôn thuyết tướng, danh tự tướng, tâm duyên tướng.

(演) 又前三，皆不離言說相、名字相、心緣相。

(Diễn: Lại nữa, ba cách [niệm Phật] trước đều chẳng là tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, và tướng tâm duyên).

Thấy đều chẳng là khỏi! [Vì lẽ đó], phạm phu tu học thuận tiện. Chứ thấy đều là, chúng ta sẽ chẳng biết tu như thế nào! Chẳng có cách nào tu được!

(Sao) Diệc phục ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, thị danh Thật Tướng.

(鈔) 亦復離言說相，離名字相，離心緣相，是名實相。

(Sao: Lại cũng là tướng ngôn thuyết, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên, thì gọi là Thật Tướng).

Thật Tướng ở chỗ nào? Ở ngay trước mắt chúng ta. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng phân biệt, không chấp trước,

không khởi tâm, không động niệm; chính ngay trong khi ấy, Thật Tướng hiện tiền. Tướng được thấy bởi chư Phật, Bồ Tát chính là tướng này. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Thật Tướng liền biến thành tướng hư vọng, xa lìa chân thật. Ví như chúng tôi đưa lên vật này, tất cả mọi người đều trông thấy, thấy rõ ràng, rành rẽ, vật được cầm trên tay cũng là thật sự có, [nhưng] chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, [hỏi quý vị] đó là gì? Quý vị có thể nói được hay không? Có thể suy tưởng hay không? Hề quý vị có thể suy tưởng, có thể nói, thấy đều là chấp tướng! Nay bảo quý vị “chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”, đó là gì? Quý vị đều không biết. Bày ra ngay trước mặt, “*giả kiêu Thật Tướng*” (đó gọi là Thật Tướng), sai mất rồi! Thật Tướng là một danh từ, lại chấp trước mất rồi! Bảo quý vị lìa tướng danh tự, có sao lại có Thật Tướng? Thật Tướng vẫn là một danh tự. “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xư diệt*”, chẳng thể nghĩ bàn, đây là Thật Tướng.

Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta, trong tâm các Ngài xác thực chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước. Các Ngài nói những danh từ ấy là do phạm phu chấp trước như vậy, “ta tùy thuận theo sự chấp trước của quý vị để nói”. Bản thân các Ngài chẳng chấp trước. Các Ngài là “*nói mà không nói*”, nói theo phía bản thân các Ngài thì “*một chữ cũng chẳng hề nói*”. “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, thuyết pháp nhằm hằng thuận chúng sanh, có sao quý vị chấp trước? Ta tùy thuận sự chấp trước của quý vị [như thế ấy], có sao quý vị phân biệt? Ta tùy thuận sự phân biệt của quý vị, chính mình rất hoan hỷ, vì sao? Chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm khai ý giải, chẳng nhiễm mảy trần, đó là Phật tâm. Chúng ta học Phật thì phải học điều này. Đức Phật có lìa khỏi pháp thế gian hay không? Chẳng lìa khỏi! Thứ gì cũng đều chẳng lìa khỏi, sống vui sướng cùng mọi người. Quý vị có phiền não, các Ngài chẳng có phiền não. Vì sao các Ngài chẳng phiền não? Các Ngài chẳng động niệm. Phiền não của quý vị do đâu mà có? Do khởi tâm động niệm. Trong Chân Như bản tánh vốn chẳng có niệm, khởi tâm động niệm là chẳng tuân thủ tự tánh, quý vị trái nghịch tự tánh, đã mê mất rồi!

“*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”, ba câu này hết sức quan trọng! Người tham Thiền sử dụng công phu này. Người nghiên cứu kinh giáo cũng dùng công phu này. Quý vị chẳng dùng công phu này, chẳng thể đại khai viên giải. Nhà Thiền chẳng dùng công phu này, chẳng thể đại triệt đại ngộ. Người niệm Phật chẳng dùng công

phu này, chẳng thể đắc Lý nhất tâm bất loạn, nhưng có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta hỏi: “Khi nào mới có thể đạt đến Lý nhất tâm bất loạn?” Khi nào quý vị niệm Phật đến mức ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đều thoát lìa, trong hết thấy các cảnh giới cũng chẳng còn có mảy may phân biệt, chấp trước, mà cũng chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Đó là cảnh giới Lý nhất tâm. Nhưng đối với điều này, chớ nên tác ý: “Ta chẳng khởi tâm, ta không động niệm”! Quý vị ngầm xem, có khởi tâm động niệm hay không? Quý vị đã khởi tâm động niệm. “Ta không động niệm”, hễ có niệm ấy là đã động niệm rồi. “Ta chẳng phân biệt”, thật ra là đã phân biệt. “Ta không chấp trước”, thật ra là đã chấp trước, chấp trước [ý niệm] “không chấp trước”. Khó quá! Rất ư là khó! Chuyện này chỉ có chính mình thấu hiểu, người khác chẳng có cách nào truyền cho quý vị, đây mới là công phu thật sự! Công phu của quý vị càng tiếp cận điều này, quý vị càng vui sướng, xác thực là lìa khổ được vui. Ba thứ ấy (phân biệt, chấp trước, vọng tưởng) càng nhiều, khổ não càng lắm! Ba thứ ấy càng ít, quý vị vui sướng càng nhiều. Điều là ngay trong cuộc sống bình phàm. Người niệm Phật tuy chẳng thể đoạn [phân biệt, vọng tưởng, chấp trước], phải hờ hững [đối với chúng], chớ nên chấp trước quá lỗ, [chấp trước] càng nhạt mỏng càng tốt! Nói thật ra, những thứ ấy chính là nghiệp chướng. Quý vị có bao nhiêu nghiệp chướng, chính mình tự biết, chẳng cần phải hỏi ai khác. Những thứ ấy rất nhạt mỏng, nghiệp chướng của quý vị bèn nhẹ nhàng. Chấp trước rất nặng nề, coi chúng rất thật, nghiệp chướng cũng rất nặng! Nghiệp chướng nặng nề, sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, đáng ngại lắm!

Điều xảo diệu của pháp môn Tịnh Tông là quý vị thích phân biệt, ưa chấp trước, [pháp môn này bèn dạy] quý vị thay đổi cảnh giới: Hãy phân biệt ba mươi hai tướng và tám mươi thứ [tùy hình] hảo của A Di Đà Phật, dạy quý vị chấp trước A Di Đà Phật. Nếu quý vị hoan hỷ, mến luyến, hãy mến luyến A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ vãng sanh. Quý vị mến luyến người thế gian, mà muốn chẳng luân hồi trong lục đạo sẽ chẳng thể được! Quý vị phải chuyển dời mục tiêu và quan niệm, ta yêu A Di Đà Phật, ta thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạng người ấy quyết định vãng sanh. Trong tâm chẳng có phân biệt, chỉ có A Di Đà Phật, hằng ngày ngắm nhìn tượng A Di Đà Phật, hằng ngày niệm giáo huấn của A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa là gia thư, gia phả của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nêu rõ khái lược trạng huống [trong cõi ấy]. Quý vị hằng ngày đọc những sách ấy, suy tưởng những điều ấy, chắc chắn sẽ được sanh về Tịnh Độ. Hễ còn nghĩ tưởng những điều khác, bất luận

nghĩ tướng ai, nghĩ tướng chuyện gì, thấy đều là lục đạo luân hồi, quyết định chẳng thể thoát khỏi lục đạo!

(Diễn) Kim Thật Tướng chi Phật, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, vô sanh diệt tướng. Nhất trần bất lập xứ, vạn pháp tề chương, vô không hữu tướng. Chiếu thể độc lập, tuyệt chư đối đãi, vô năng sở tướng. Hựu phục ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, từ táng lự vong, ly ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, thị vô tướng bất tướng, danh vi Thật Tướng dã.

(Động) 今實相之佛，過去無始，未來無終，無生滅相；一塵不立處，萬法齊彰，無空有相；照體獨立，絕諸對待，無能所相；又復言語道斷，心行處滅，詞喪慮亡，離言說名字心緣等相，是無相不相，名為實相也。

(Diễn:) Nay vị Phật Thật Tướng quá khứ không khởi đầu, vị lai chẳng kết thúc, chẳng có tướng sanh diệt. Chẳng có chỗ nào để lập mây trần, vạn pháp cùng phô bày, chẳng có tướng Có và Không. Chiếu thể độc lập, dứt bất các đối đãi, chẳng có tướng Năng và Sở. Lại còn chẳng thể diễn tả được, chẳng thể suy lường, dứt bất ngôn từ, tuyệt dứt suy tưởng, rời lìa các tướng như ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên, chẳng có tướng, mà không phải là chẳng có tướng, nên gọi là Thật Tướng).

Chẳng có cách nào diễn tả Thật Tướng được, cũng chẳng có cách nào tư duy, tưởng tượng! Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo để miêu tả khái lược hình tướng của nó, khiến cho chúng ta từ những điều ấy mà lãnh hội. “Thật Tướng chi Phật” là gì? Là Chân Như bản tánh của chính mình, là toàn thể pháp giới. “Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, vô sanh diệt tướng” (Quá khứ chẳng có khởi đầu, vị lai không có kết thúc, chẳng có tướng sanh diệt), nó bất sanh bất diệt. Hết thấy vạn pháp, hề có sanh bèn có diệt. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới có sanh, nó có chẳng diệt hay không? Đương nhiên là có diệt; hề có sanh bèn có diệt. Vì thế, trong tương lai, A Di Đà Phật sẽ diệt độ, Quán Âm Bồ Tát nối tiếp thành Phật, lại có sanh diệt. Bất quá thời gian quá dài, dài đến nỗi chúng ta chẳng có cách nào tính toán, nên gọi là “vô lượng thọ”. Thọ mạng có hạn lượng, chẳng sai! Có hạn lượng, quý vị hãy nói thử xem: Rốt cuộc con số ấy là bao nhiêu? Nói chẳng được! Trong kinh, đức Phật đã dạy mình bạch: Giả sử chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều như ngài Mục Kiền

Liên, trong thời gian lâu ngàn ức kiếp như thế cùng nhau tính toán thọ mạng của người trong thế giới Tây Phương, tính chẳng ra! Do vậy, chúng ta có thể nói [thọ mạng ấy] là vô lượng. Tự tánh chẳng có sanh diệt, [nói] Thật Tướng là nói tới Pháp Thân Phật, bất sanh, bất diệt.

“*Nhất trần bất lập xứ, vạn pháp tề chương, vô không hữu tướng*” (Chẳng có chỗ để lập một mảy trần, muôn pháp cùng phô bày, chẳng có tướng Không và Có): Bản thể, tức bản thể của tự tánh, chẳng lập mảy trần, chẳng nhiễm mảy trần, thuần tịnh. “*Vạn pháp tề chương*”: Nó có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong vô lượng vô biên thế giới chư Phật, nó có thể biến. Giống như chúng ta nằm mộng, cái tâm nằm mộng chẳng lập mảy trần, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng hằng ngày nó có thể biến ra mộng cảnh bất đồng. Thậm chí là một ngày mơ đến mấy giấc mộng, mỗi giấc mộng đều khác nhau. “*Vạn pháp tề chương*” (Muôn pháp cùng phô bày), “*chương*” (彰) là rõ ràng, hiển lộ. Tuy hiện muôn pháp, nhưng như thế nào? “*Vô không hữu tướng*” (Chẳng có tướng Có và Không). Nếu quý vị bảo là Không, nó hiện tướng, tướng chẳng phải là Không. Nếu quý vị bảo là Có, tướng ấy là giả, chẳng thật! “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (Bản thể của chính nó là Không, trọn chẳng thể được). Do vậy, chẳng thể bảo nó là Không, mà cũng chẳng thể nói nó là Có. Hai bên Có và Không đều chẳng nói được!

“*Chiếu thể độc lập, tuyệt chư đối đãi, vô năng sở tướng*” (Chiếu thể độc lập, dứt bật các đối đãi, chẳng có tướng Năng và Sở). “*Thể*” là bản thể của tự tánh, Chiếu là tác dụng của tự tánh. Chiếu là giác, hết thảy muôn vàn hình tượng trong tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Năng Chiếu và Sở Chiếu là một, Năng Biến và Sở Biến cũng là một. Do vậy, nó chẳng có tương đối. Vì thế, quan niệm tương đối của chúng ta là sai lầm. Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có tương đối, hề có quan niệm tương đối thì là mê. Lìa khỏi quan niệm tương đối là giác. Giác chẳng dễ dàng! Nay chúng ta khởi tâm động niệm còn có Năng và Sở, đó là mê. Nếu mong thật sự giác, đích xác là chớ nên khởi tâm động niệm. Chư Phật Như Lai có năng lực, có bản lãnh: Trong cảnh giới, vĩnh viễn chẳng khởi tâm, không động niệm. Nếu quý vị có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn thành Phật, thành Bồ Tát. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn gọi là Tam-muội, hay Chánh Thọ, [có nghĩa là] hưởng thụ hết sức bình thường. Khởi tâm động niệm bèn có thất tình, ngũ dục, có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả là bất bình thường, vì sao? Trong tự tánh vốn chẳng có [những cảm nhận ấy]. Sự hưởng thụ bình thường vốn sẵn có trong tự tánh, cho nên đó là Định, người

niệm Phật [gọi Định ấy] là Niệm Phật tam-muội, kinh Lăng Nghiêm gọi nó là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Sư Tử Phấn Tán tam-muội. Danh xưng khác nhau, thật ra là cùng một cảnh giới.

Đây cũng là nói rõ cùng mọi người: Trong sự tu hành của Phật pháp, tu Định là then chốt. Bất luận pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, “*pháp*” là phương pháp, “*môn*” là cửa ngõ. Nói theo cách hiện thời, [pháp môn] là biện pháp, là phương pháp. Bất luận dùng biện pháp hay phương pháp nào, [đều nhằm] tu gì? Đều nhằm tu Định. Trong Phật giáo, kinh điển Tịnh Tông [gọi Định] là “*nhất tâm bất loạn*”. Thiền Tông gọi “*nhất tâm bất loạn*” là Thiền Định. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa và cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Hiểu rõ chân tướng này, quý vị mới hiểu “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Pháp môn nào thích hợp căn tánh của chính mình, thuận tiện cho chính mình tu học, ta liền chọn lấy pháp môn ấy. Sau khi đã chọn dứt khoát một pháp môn, điều then chốt là nhất tâm, chuyên tu, sẽ có thể thành tựu. Kỳ nhất là xen tạp, tạp tu, loạn tu, pháp môn gì cũng đều chẳng thể thành tựu, ngay như [tu] pháp môn Niệm Phật [mà tạp tu, loạn tu], cũng chẳng thể vãng sanh. Người chuyên tu Thiền có thể khai ngộ, người chuyên học Giáo có thể đại khai viên giải, người chuyên tu Tịnh có thể đắc nhất tâm bất loạn, điều khẩn yếu là chuyên tu. Học Thiền, học Giáo, thậm chí học Mật, đều phải hội đủ một số điều kiện đặc thù nào đó thì mới có thể thành tựu trong một đời. Chẳng trọn đủ điều kiện, tuy chuyên, cũng chẳng dễ gì thành tựu! Điều kiện của Tịnh Tông rộng rãi nhất. Điều kiện do Tịnh Tông đặt ra, có thể nói là gần như mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ. Do vậy, mới là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Dẫu tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, là kẻ tạo tội nghiệp nặng nhất, người ấy [vẫn có thể] hội đủ điều kiện để tu Tịnh Độ. Người ấy tu pháp khác, sẽ chẳng hội đủ điều kiện, nhưng tu Tịnh Độ thì đủ. Do vậy, pháp môn này mới được hết thầy chư Phật tán thán, thật sự có thể rộng độ hết thầy chúng sanh trong pháp giới. Đây chính là chỗ thù thắng bậc nhất.

“*Hựu phục ngôn ngữ đạo đoạn*” (Lại còn dứt bật ngôn ngữ): Chẳng thể thốt lên lời được! Ở đây, “*đạo*” (道) là động từ [có nghĩa là “nói”], “*ngôn ngữ*” là danh từ. Quý vị chẳng thể dùng ngôn ngữ để nói được, dùng phương pháp [diễn đạt bằng] ngôn ngữ sẽ chẳng thông suốt, cho nên phải dứt bỏ. “*Tâm hành xứ diệt*”: “*Tâm*” là tư duy, tưởng tượng. Tưởng tượng cũng chẳng được, tưởng tượng không ra! Tưởng tượng chính là quý vị khởi tâm động niệm. Hễ khởi tâm động niệm, bèn rơi vào Năng và Sở (chủ thể và khách thể), tức là rơi vào Không và Có. “*Từ táng lự vong*”:

“*Từ*” (詞) là ngôn từ, “*lự*” (慮) là tư lự. “*Từ táng*” (詞喪: chôn vùi ngôn từ) là ngôn ngữ đứt gãy, “*lự vong*” (慮亡) là tâm hành xử diệt. Đó là một ý nghĩa; ở đây, thêm vào câu này nhằm đặc biệt nhấn mạnh.

“*Ly ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, thị vô tướng, vô bất tướng*” (Lìa các tướng ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên v.v... là vô tướng, là chẳng phải là không có tướng). Vô tướng là Thể, “*vô bất tướng*” là tác dụng của bản thể. Giống như chúng ta nằm mộng, vô tướng là tâm, vô bất tướng là mộng cảnh. Tâm là Không, chẳng có hình dáng, dấu vết, mắt cũng chẳng nhìn thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, tay cũng chẳng sờ đến, tâm cũng chẳng nghĩ tới được. Vì thế, gọi là Không. Bất đắc dĩ nói là Không, nhưng nó có thể hiện tướng. Gặp duyên bèn hiện tướng. Tuy hiện tướng, tướng ấy “*đương thể tức Không, liễu bất khả đắc*” (bản thể của nó là Không, trọn chẳng thể được). Quý vị chớ nên chấp trước tướng ấy. Quý vị chấp trước tướng ấy, ngỡ tướng ấy là Có, cho tướng ấy là thật sự tồn tại, làm lẫn đặc biệt to lớn!

Người thật sự tu hành, tốt nhất là coi cuộc đời là “*mộng, huyễn, bọt, bóng*” như kinh Kim Cang đã dạy. Chúng ta từ sáng đến tối tiếp xúc những thứ ấy, đều đang nằm mộng! Quý vị có thể coi hoàn cảnh như mộng, mộng là giả, chẳng thật! Trong ấy, bất luận quý vị ưa thích thì cũng thế, mà phiền não cũng thế, phải thật sự hiểu rõ chúng là rỗng tuếch, mức độ ưa thích sẽ nhạt bớt, phiền não cũng nhẹ đi. Vì sao? Trống rỗng, giả trát, chẳng thật! Nay có được một khối vàng to, chẳng vui thích, nằm mộng mà! Chẳng thật! Kẻ này muốn hại ta, hãm hại ta, ta cũng chẳng so đo với kẻ ấy. Vì sao? Giả trát! Mộng, huyễn, bọt, bóng, riết róng so đo là sai mất rồi! Đó là chân tướng sự thật; nhưng người thế gian mê, chẳng biết, cứ ngỡ giả là thật, coi thật là giả!

(Sao) Sớ vị ngã dục kiến Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến, thị dã.

(鈔)所謂我欲見極樂世界阿彌陀佛，隨意即見，是也。

(Sao: Nói “ta muốn thấy Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý bèn thấy” chính là nói về điều này).

Rất tự tại! Nếu quý vị thật sự đạt tới cảnh giới như đã nói trong phần trước: Quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong thấy A Di Đà Phật, đó là “tùy ý”! Muốn ra đi chừng nào bèn đi khi đó; khi nào mong thấy Phật thì khi đó thấy Phật, tự tại vô ngại. Đây là “*liễu sanh tử, thoát tam giới*”. Lại thưa cùng các vị đồng học, xác thực là ai nấy đều

có thể làm được, quý vị có chịu làm hay không? Tục ngữ có câu: “*Thế gian nan sự, đặng thiên nan, cầu nhân nan*” (Chuyện khó trong thế gian, lên trời khó khăn, cầu cạnh người khác khó khăn). “Thấy A Di Đà Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới” chính là cầu từ chính mình. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chính quý vị có thể thật sự buông vọng tưởng, chấp trước xuống, sẽ thành công. Hễ buông vọng tưởng, chấp trước xuống, thừa cùng chư vị, tất cả hết thảy nghiệp chướng từ vô thủy kiếp cho đến nay thảy đều tiêu trừ. Nghiệp chướng là vọng tưởng, chấp trước, bị tiêu sạch sành sanh. Do đó, người niệm Phật xử sự, đối người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, nói cách khác, [sẽ đều là] thời thời khắc khắc dấy lên tâm cảnh giác cao độ, giác chứ không mê. Như thế nào thì mới là thật sự giác chứ không mê? Đối trước hết thảy cảnh giới, tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối chẳng dấy vọng tưởng, chẳng chấp trước, người ấy giác chứ không mê. Sau đây mới có thể giúp người khác phá mê khai ngộ, giúp người khác đoạn ác tu thiện. Đó là đại từ đại bi, là tự tánh khởi tác dụng. Người như vậy và chư Phật, Bồ Tát đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, sẽ thành Phật. Tục ngữ thường nói: “*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật). “*Đồ đao*” (屠刀) chính là vọng tưởng, chấp trước. Quý vị chỉ cần buông chúng xuống, sẽ ngay lập tức thành Phật.

(Diễn) Ngã nhược dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến, thị Hoa Nghiêm Giải Thoát trưởng giả sở thuyết.

(演)我若欲見阿彌陀佛隨意即見，是華嚴解脫長者所說。

(Diễn): “Nếu ta muốn thấy A Di Đà Phật bèn tùy ý thấy ngay” chính là lời trưởng giả Giải Thoát đã nói trong kinh Hoa Nghiêm).

Trưởng giả Giải Thoát nói [câu ấy] với Thiện Tài đồng tử.

(Diễn) Dĩ thử chứng Thật Tướng giả, dĩ trưởng giả dĩ năng liễu tri tự tánh, như ảnh, hưởng, mộng, huyễn.

(演)以此證實相者，以長者已能了知自性，如影響夢幻。

(Diễn): “Dùng điều này để chứng Thật Tướng”: Vì trưởng giả đã có thể biết rõ tự tánh như hình bóng, tiếng vang, mộng, huyễn).

Có ý nghĩa hoàn toàn giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”.

(Diễn) Sớ kiến chư Phật, giai do tự tâm.

(演)所見諸佛，皆由自心。

(Diễn: Thấy chư Phật đều do tự tâm).

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do tự tâm hiện, do tự thức biến, chẳng có gì không thấy. Muốn thấy vị nào trong mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đều thấy, vì sao? Quý vị đã kiến tánh. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, bèn có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Phần đầu kinh Vô Lượng Thọ nói tới tám tướng thành đạo. Đó là địa vị gì? Sơ Trụ trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Giúp đỡ hết thấy chúng sanh thuận theo lòng mong muốn. Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật. Tám tướng thành đạo là hiện thân Phật. Đáng nên dùng thân Bồ Tát để độ, bèn hiện thân Bồ Tát. Đáng nên hiện thân gì, bèn hiện thân ấy, chẳng có gì không tự tại. Cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh!

(Diễn) Cổ kinh văn vân.

(演)故經文云。

(Diễn: Do vậy, kinh văn nói).

Dưới đây là trích dẫn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm.

(Diễn) Thiện nam tử.

(演)善男子。

(Diễn: Này thiện nam tử).

Ở đây, “*thiện nam tử*” là để gọi Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử đại diện cho tất cả các đồng tu học Phật chúng ta, có thiện căn, có phước đức. Kinh Di Đà dạy: “*Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Có thể thấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải do nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nhiều thiện căn, nhiều phước đức bèn gọi là Thiện Tài (Sudhanakumâra). Kinh gọi Ngài là “*thiện nam tử*” là do ý nghĩa này, theo tiêu chuẩn như vậy.

(Diễn) *Ngã kiến như thị đẳng thập phương Phật sát vi trần số Như Lai, bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ.*

(演) 我見如是等十方佛剎微塵數如來，彼諸如來不來至此，我不往彼。

(Diễn: Ta thấy chư Như Lai nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi Phật như thế đó. Các vị Như Lai ấy chẳng đến đây, ta chẳng đến chỗ ấy).

Nói rõ “chẳng đến, chẳng đi, bất sanh, bất diệt”; đó là chân tướng sự thật.

(Diễn) *Ngã nhược dục kiến An Lạc thế giới.*

(演) 我若欲見安樂世界。

(Diễn: Nếu ta muốn thấy thế giới An Lạc).

“An Lạc thế giới” là thế giới Cực Lạc.

(Diễn) *A Di Đà Phật Như Lai, tùy ý tức kiến.*

(演) 阿彌陀佛如來，隨意即見。

(Diễn: A Di Đà Phật Như Lai tùy ý liền thấy).

A Di Đà Phật chẳng đến, ta cũng không đi. Ta chỉ cần muốn thấy bèn thấy, như đối trước mặt. Ngài chẳng đến, ta cũng chẳng đi, xác thực là như thế. Tịnh Tông có một quyển sách mang tựa đề là Sanh Vô Sanh Luận: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi). Người mới học nghe lời này lại hoài nghi: Rốt cuộc là có thể vãng sanh hay không? Nếu chúng ta niệm suốt một đời mà chẳng thể vãng sanh, há chẳng phải là niệm uổng công ư? Đã là sanh thì quyết định sanh, nhưng lại chẳng thể đi, sanh bằng cách nào? Chẳng biết chân tướng sự thật, chẳng biết cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Cảnh giới ấy là cảnh giới của Phật, chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta!

Bọn phàm phu chúng ta chấp tướng “đến, đi”, tướng sanh diệt. Quý vị trừ sạch các tướng đến, đi, sanh, diệt, Năng, Sở, thì mới hiểu ý nghĩa do Phật, Bồ Tát đã nói, quý vị bèn hoảng nhiên đại ngộ. Có phải là Sanh hay không? Thật sự sanh! Có phải là đi hay không? Thật sự đi, vì sao?

Sanh và “chẳng sanh” không hai. Đi và “không đi” như một, phải nhập cảnh giới ấy thì mới được. Chẳng nhập cảnh giới, sanh và “chẳng sanh” là hai chuyện, tuyệt đối chẳng giống nhau, đi và “không đi” cũng là hai chuyện, làm sao có thể cùng bàn luận cho được! Cảnh giới Phật và cảnh giới của chúng ta khác nhau!

Chúng ta là hữu tình chúng sanh trên địa cầu, sống trong không gian ba chiều; không gian của chư Phật là không gian vô hạn chiều, tuyệt đối chẳng phải chỉ là bốn chiều, năm chiều, sáu chiều, bảy chiều! Không gian của Phật là vô hạn chiều, làm sao chúng ta có thể hiểu được? Hoàn toàn chẳng biết! Nếu chư vị thường đọc kinh điển Đại Thừa, rất chú tâm lãnh hội, sẽ có thể thấu hiểu. Tuy chẳng viên mãn, nhưng có thể tăng trưởng tín tâm, có thể dần dần hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh Phật gọi chuyện này là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp). Tiếp theo đó, kinh [Hoa Nghiêm] giảng về Lý. Phần trên là nói theo Sự, muốn thấy A Di Đà Phật liền thấy A Di Đà Phật.

(Diễn) Tri nhất thiết Phật cập dĩ ngã tâm, tất giai như mộng. Tri nhất thiết Phật do như ảnh tượng, tự tâm như thủy. Tri nhất thiết Phật sở hữu sắc tướng, cập dĩ tự tâm, tất giai như huyễn, tất giai như hưởng. Ngã như thị tri, như thị ức niệm, sở kiến chư Phật giai do tự tâm.

(演)知一切佛及與我心，悉皆如夢；知一切佛猶如影像，自心如水；知一切佛所有色相，及以自心，悉皆如幻，悉皆如響。我如是知，如是憶念，所見諸佛皆由自心。

(Diễn: Biết hết thấy chư Phật và tâm ta thấy đều như mộng. Biết hết thấy chư Phật giống như hình bóng, tự tâm như nước. Biết tất cả sắc tướng của hết thấy chư Phật và tự tâm thấy đều như huyễn, thấy đều như tiếng vang. Ta biết như thế, ức niệm như thế, các đức Phật được thấy đều do tự tâm).

Tục ngữ Trung Hoa thường nói: “*Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt*” (Nước ngàn sông in bóng ngàn trăng). Vàng trắng trên không trung, chỉ cần trên mặt đất có nước, nước rất sạch sẽ, trăng bèn hiện bóng. Trăng chẳng đến nước, nước cũng chẳng đến trăng, [thế mà] người khác trông thấy [ánh trăng trong nước]. Đây là nói theo tỷ dụ. Tỷ dụ chỉ có thể nói mượn tượng, tuyệt đối chẳng phải là sự thật. Sự thật thì phải thân thiết, phải thực tại hơn tỷ dụ. Bất đắc dĩ dùng tỷ dụ để mô tả gián tiếp, khiến cho chúng ta dần dần lãnh hội cảnh giới ấy. Chuyện này chứng tỏ

“*vạn pháp duy tâm, vạn pháp duy thức*”, cũng chứng minh điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo), đây là nói về Thật Tướng.

(Sao) Thử chi tứ giả, tuy đồng danh Niệm Phật, tiền thiểu hậu thâm.

(鈔)此之四者，雖同名念佛，前淺後深。

(Sao: Bốn phép này tuy đều gọi là Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu).

Bốn phép này tuy đều là pháp môn Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu, càng về sau càng sâu.

(Sao) Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tắc thiểu, Lý nhất tâm tắc thâm.

(鈔)持名雖在初門，其實意含無盡，事一心則淺，理一心則深。

(Sao: Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chứa đựng vô tận ý nghĩa. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu).

Trì Danh Niệm Phật nông cạn nhất, dạy quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Nông cạn nhất, nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ “*không xen tạp*”. Nay công phu của chúng ta sở dĩ chẳng thể thành tựu là vì xen tạp; xen tạp hết thảy các pháp hư vọng trong thế gian, đồng thời lại còn xen tạp hết thảy Phật pháp, đều là sai lầm. Bất luận xen tạp điều gì cũng đều sai lầm. Làm thế nào thì mới có thể thật sự đạt “*tịnh niệm tương kế*”? Làm được bốn chữ ấy bèn thành công. Bốn chữ ấy chính là “*thật thà niệm Phật*”, mới thật sự là thật thà. Nếu chẳng làm được bốn chữ ấy, chẳng gọi là thật thà! “*Tịnh niệm*”: Tịnh là tâm thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng có xen tạp, cái tâm ấy mới thanh tịnh, mới là tịnh niệm. Câu Phật hiệu này nối tiếp câu Phật hiệu kia, niệm đến mức giống hết như máy niệm Phật trong hiện thời, nó chẳng xen tạp, không hoài nghi, mà cũng không gián đoạn. “*Tương kế*” (相繼: nối tiếp) là chẳng gián đoạn. Nếu chúng ta thật sự niệm giống như vậy, sẽ thành công! Không chỉ là Sự nhất tâm, mà còn niệm đến mức Lý nhất tâm. Vì sao? Chẳng phân biệt, không chấp trước, lìa hết thảy tướng chính là hết thảy các pháp. Nếu quý vị hỏi “ai là

người hành Thật Tướng Niệm Phật” ư? Máy niệm Phật là Thật Tướng Niệm Phật! Các đồng tu hãy khéo lãnh hội ý nghĩa này.

“Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tắc thiên, Lý nhất tâm tắc thâm” (Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chưa đựng vô tận ý nghĩa. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu). Nếu quý vị niệm tới Sự nhất tâm bất loạn, đó là cạn. Nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ là sâu. Có thể thấy Trì Danh thông đến mức sâu nhất! Cổ nhân chẳng dùng Quán Tượng, hoặc Quán Tướng, vì sao? Tướng ấy nếu quán thành, ấn tượng khắc sâu, tướng có tốt hay không? *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, vẫn phải trừ khử ấn tượng ấy thì mới có thể nhập Thật Tướng. Nếu chẳng trừ hết tướng ấy, chẳng thể nhập Thật Tướng, [bởi lẽ] Thật Tướng chẳng có tướng. Quý vị mới biết Quán Tượng và Quán Tướng chẳng phải là phương pháp tốt đẹp, vì sao? Chẳng thể thông đến Thật Tướng. Câu Phật hiệu buông bỏ dễ dàng. Sau khi niệm đến một mức độ khá, Năng lẫn Sở đều mất, bèn nhập Thật Tướng. Vì thế, Trì Danh rất dễ khế nhập Thật Tướng, Quán Tượng và Quán Tướng chẳng dễ dàng. Đây là chư Phật Thế Tôn đã đặc biệt dạy chúng ta ý nghĩa chân thật của việc Trì Danh Niệm Phật. Pháp môn này chẳng nông cạn đâu nhé! Mở đầu là nông cạn, về sau, sâu thẳm khôn dò! Tuyệt đối chẳng phải là Quán Tượng hay Quán Tướng mà hòng đạt đến! Trì Danh Niệm Phật...

(Sao) Tức Sự, tức Lý, tắc tức thiên, tức thâm, cố viết “triệt tiền, triệt hậu”.

(鈔)即事即理，則即淺即深，故曰徹前徹後。

(Sao: Do Sự chính là Lý, nên cạn chính là sâu, vì thế nói “thấu triệt trước sau”).

“Tiền” là mới học, *“hậu”* là đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, như Đại Thế Chí Bồ Tát hoặc Quán Thế Âm Bồ Tát, đã nhập cảnh giới của các Ngài. Vì thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!